TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/DS-ST;
Ngày: 20-6-2023
V/v:" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Nguyễn Văn Trình.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh – Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20/6/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2023/TLST-DS về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Huyền T, sinh năm : 1975. Địa chỉ : tổ 2, thôn Túy Loan Đông 1, xã Hòa Phong , huyện Hòa Vang, tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm : 1971. Địa chỉ : K19/11 Phong Bắc 20, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Thông qua mối quan hệ quen biết với nhau, từ năm 2019 đến năm 2022, bà Lê Thị P đã mượn tiền bà T nhiều lần, với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng với mục đích làm ăn, cụ thể những lần mượn tiền như sau :

- Ngày 22/10/2019 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 19/7/2021 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 07/7/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 26/11/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 05/12/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng

- Ngày 08/12/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng

Do là chỗ bạn bè quen biết tin tưởng nhau nên những lần mượn tiền này bà T và bà P chỉ trao đổi nội dung vay mượn qua tin nhắn zalo và tin nhắn sim điện thoại mà không viết giấy mượn tiền. Khi mượn tiền bà P đều hứa hẹn một tháng sau sẽ trả. Tuy bà T đã nhiều lần yêu cầu bà P trả dứt điểm số tiền trên nhưng bà P cố tình trốn tránh không chịu trả. Nay bà Võ Thị Huyền T khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị P phải trả lại bà số tiền đã mượn là 1.200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* **Bị đơn bà Lê Thị P trình bày:** Trước đây bà P và bà T có mối quan hệ quen biết nên bà P có mượn tiền của bà T số tiền là 1.200.000.000 cụ thể như sau :

- Ngày 22/10/2019 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 19/7/2021 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 07/7/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 26/11/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 05/12/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 08/12/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng

Nay làm ăn khó khăn cho nên chưa trả được số nợ trên và bà P xin gia hạn thêm thời gian trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Giữa bà Võ Thị Huyền T và bà Lê Thị P có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua in nhắn zalo và tin nhắn sim điện thoại mà không viết giấy mượn tiền. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, không yêu cầu tính lãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn bà Lê Thị P có địa chỉ thường trú tại: K19/11 Phong Bắc 20, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

Về nội dung

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Huyền T đối với số tiền 1.200.000.000 đồng

Do mối quan hệ quen biết, bà Võ Thị Huyền T cho bà Lê Thị P mượn tiền với mục đích làm ăn kinh doanh. Thời hạn mượn tiền theo các tin nhắn do bà T xuất trình là 01 tháng. Số tiền vay mượn của bà P với bà T còn 1.200.000.000 đồng. Quá trình

vay mượn đã được các bên thể hiện qua các tin nhắn và bà Lê Thị P cũng đã xác nhận tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 30/5/2023. Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng vay các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 119 và 463 BLDS nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo trình bày của bà Võ Thị Huyền T, giữa bà P và bà T xác định khoản nợ còn lại 1.200.000.000 đồng, đến nay bà P vẫn chưa trả lại cho bà Võ Thị Huyền T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà P thừa nhận còn nợ tiền bà T số tiền là 1.200.000.000 đồng như đơn khởi kiện nhưng do bà gặp khó khăn nên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T được.

Xét thấy bà P đã vi phạm nghĩa vụ đối với bà Võ Thị Huyền T nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 469 BLDS, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị Huyền T số tiền 1.200.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 119, 463, Điều 466 và 469 BLDS;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 272, 273 của BLTTDS;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Huyền T đối với bà Lê Thị P.

Buộc bà Lê Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị Huyền T số tiền đã vay là 1.200.000.000 đồng

Kể từ ngày bà Võ Thị Huyền T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Lê Thị P phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị P phải chịu 48.000.000 đồng. Bà Võ Thị Huyền T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 24.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009496 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Hưng